|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr- BKHĐT | Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2020 |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**

**một số điều của Luật Đầu tư**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư với những nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Sự cần thiết và căn cứ xây dựng Nghị định:**

Luật Đầu tư giao Chính phủ quy định chi tiết về ngành, nghề đầu tư kinh doanh; ngành, nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, điều chỉnh dự án; thành lập tổ chức kinh tế; góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư ra nước ngoài, xúc tiến đầu tư, giám sát và đánh giá đầu tư và một số nội dung khác liên quan đến hoạt động đầu tư.

Ngoài một số nội dung của Luật Đầu tư về trình tự, thủ tục thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia; giám sát, đánh giá đầu tư và hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ được quy định chi tiết tại các Nghị định riêng, Chính phủ cần ban hành Nghị định này để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều khoản được giao khác sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

**2. Mục tiêu và yêu cầu xây dựng Nghị định:**

*Một là,* quy định chi tiết nguyên tắc, cách thức áp dụng và thực hiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh, ngành, nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng như cơ chế tập hợp, công bố, giám sát thi hành các quy định về vấn đề này nhằm nâng cao tính minh bạch và tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán nguyên tắc hiến định về quyền tự do kinh doanh và tuân thủ cam kết về mở cửa thị trường của Việt Nam theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

*Hai là,* cụ thể hóa một số quy định về bảo đảm đầu tư và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với một số ngành, nghề, địa bàn nhằm tiếp tục củng cố, hoàn thiện cơ chế bảo hộ, khuyến khích đầu tư phù hợp với các cam kết hội nhập của Việt Nam, cũng như nâng cao hiệu quả và bảo đảm thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng theo các định hướng tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

*Ba là,* hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật nhằm cải cách thủ tục hành chính trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập tổ chức kinh tế đến triển khai, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và các hoạt động kinh doanh để khắc phục những bất cập, chồng chéo giữa các quy định liên quan đến đầu tư kinh doanh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đặc biệt là quan hệ giữa các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.

*Bốn là,* bổ sung và quy định chi tiết trình tự, thủ tục để bảo đảm tính khả thi và thực hiện hiệu quả các quy định mới của Luật Đầu tư về quyền tự chủ của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư (như quyền chia, tách, sáp nhập, góp vốn, hợp tác kinh doanh, chuyển nhượng, điều chỉnh dự án....).

*Năm là,* hoàn thiện các công cụ cần thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, bảo đảm an ninh, quốc phòng; góp phần hạn chế tình trạng chuyển giá, trốn thuế và xử lý các trường hợp đầu tư chui, đầu tư núp bóng...

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, nội dung của Nghị định phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Đầu tư, các luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh, đồng thời kế thừa và hoàn thiện những quy định hiện hành còn phù hợp với quy định của các Luật này cũng như thực tế triển khai hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Quyết định số 1109/QĐ-TTg và chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 129/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức xây dựng Nghị định này.

Mặc dù được phép xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn, nhưng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cơ bản thực hiện các thủ tục như quy định đối với văn bản thông thường, bao gồm việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập; tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp về một số nội dung lớn của Nghị định như: nguyên tắc áp dụng quy định về ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh; Danh mục hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và nguyên tắc, thủ tục áp dụng Danh mục này; Danh mục ngành, nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư; cơ chế bảo đảm thực hiện dự án đầu tư...Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng tổ chức họp, trao đổi trực tiếp với một số Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp để thống nhất phương án soạn thảo một số quy định quan trọng của Nghị định, đặc biệt là các quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấm dứt đầu tư; chính sách và thủ tục áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư....

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến các đối tượng quan tâm.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ.

III. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định có 07 Chương, 93 Điều và 03 Phụ lục, gồm những nội dung chủ yếu sau:

**1. Chương I. Những quy định chung**

Chương này có 7 Điều, gồm những nội dung sau:

- Điều 1 xác định phạm vi điều chỉnh. Theo đó, Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư về việc áp dụng, kiểm soát, công bố điều kiện đầu tư kinh doanh; các biện pháp bảo đảm đầu tư kinh doanh; các hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh.

Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội; giám sát, đánh giá đầu tư và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

- Điều 2 giải thích từ ngữ trên cơ sở kế thừa một số khái niệm đã được áp dụng ổn định theo quy định trước đây tại Luật đầu tư 2014, được chỉnh lý phù hợp với mục đích điều chỉnh của Nghị định.

- Điều 3 hướng dẫn về các hình thức bảo đảm đầu tư kinh doanh quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13 và 14 Luật Đầu tư, trong đó quy định nguyên tắc và trình tự, thủ tục thực hiện các hình thức bảo đảm của Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư (như bảo đảm cân đối hoặc hỗ trợ cân đối ngoại tệ; bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và doanh nghiệp nhà nước; các hình thức khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân cấp tỉnh).

- Điều 4 Quy định chi tiết về cách thức áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật quy định tại Điều 13 Luật đầu tư.

- Điều 5 quy định về hồ sơ dự án đầu tư, nguyên tắc lập hồ sơ và cách thức giải quyết trong trường hợp hồ sơ có giấy tờ và tài liệu được làm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

- Điều 6 quy định nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

- Điều 7 quy định nguyên tắc về xử lý trong trường hợp hồ sơ đăng ký đầu tư không chính xác, giả mạo.

**2. Chương II. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh**

Chương này có 9 Điều quy định chi tiết thi hành các Điều 6, 7, 8 và 9 Luật đầu tư về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và ngành nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

*2.1. Về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Mục 1):*

Các Điều 8, 9, 10, 11, 12 quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trên cơ sở quy định hiện hành của Nghị định 118/2015/NĐ-CP, cụ thể là:

- Điều 8 quy định các trường hợp ngoại lệ được phép sản xuất, sử dụng một số sản phẩm thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật đầu tư, đồng thời bổ sung mới quy định về thủ tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh tương tự thủ tục sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Điều 9 quy định về nguyên tắc, yêu cầu đối với cá nhân, tổ chức kinh tế khi tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề thuộc Danh mục 227 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Phụ lục 4 Luật đầu tư.

- Các Điều 10, 11 và 12 quy định chi tiết về rà soát, tập hợp và công bố điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như cơ chế sửa đổi, bổ sung các quy định về vấn đề này. Trong đó, Điều 10 quy định các yếu tố cấu thành của điều kiện đầu tư kinh doanh và cách thức tập hợp, đăng tải, cập nhật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như quyền hạn, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các hoạt động này. Các Điều 11, 12 quy định về cơ chế rà soát, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện và hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung quy định về ngành về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh.

*2.2. Về ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Mục 2):*

- *Ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường với nhà đầu tư nước ngoài* là nội dung mới của Luật Đầu tư, được hướng dẫn chi tiết tại các Điều 13, 14, 15 Dự thảo Nghị định. Theo đó, Danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm (i) ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường và (ii) ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện, trong đó:

+ Danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường, gồm các ngành, nghề mà pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về đầu tư không cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh; các ngành, nghề có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; và các ngành, nghề độc quyền nhà nước.

+ Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện gồm những ngành, nghề mà điều ước quốc tế về đầu tư và pháp luật Việt Nam có quy định phân biệt đối xử về điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

- *Áp dụng ngành, nghề và điều kiện hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài*

Nghị định quy định cụ thể về việc áp dụng ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo nguyên tắc (chọn – bỏ) quy định tại Điều 9 Luật Đầu tư. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, trừ trường hợp thuộc Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường.

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của điều ước quốc tế mà điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư đó theo điều ước quốc tế về đầu tư hoặc pháp luật Việt Nam có quy định thuận lợi hơn thì nhà đầu tư được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường theo điều ước quốc tế đó.

Đối với những ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia theo Điều ước quốc tế về đầu tư và pháp luật Việt Nam không có quy định về phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của các điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau về điều kiện tiếp cận thị trường đối với một ngành, nghề quy định tại Danh mục thì được quyền lựa chọn áp dụng điều kiện theo một trong các điều ước đó, trừ trường hợp các điều ước quốc tế có liên quan có quy định khác. Trường hợp đã lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường theo một điều ước quốc tế về đầu tư thì nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Đối tượng áp dụng của Danh mục là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được quy định tại Điều 23 Luật Đầu tư.

~~-~~ *Việc xây dựng, đăng tải, cập nhật, sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề* hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thực hiện tương tự như quy định áp dụng với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

**3. Chương III. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư**

Chương này có 06 Điều quy định chi tiết đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư và các hình thức, thủ tục hỗ trợ đầu tư.

*3.1. Về ưu đãi đầu tư:*

- Điều 17 quy định chi tiết các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư, gồm dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Phụ lục II của Dự thảo Nghị định) và dự án đầu tư thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư (Phụ lục III của Dự thảo Nghị định). Các Danh mục này được thiết kế phù hợp với quy định tương ứng của Luật đầu tư và được rà soát, tập hợp trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, trong đó Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư đã được cập nhật, hoàn thiện trên cơ sở những thay đổi về địa giới hành chính của một số địa phương; Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư đã được rà soát, điều chỉnh để phù hợp định hướng ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư.

Các Khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 17 cụ thể hóa tiêu chí xác định dự án đầu tư tại vùng nông thôn; dự án sử dụng lao động là người khuyết tật; dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để làm căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư.

- Các Điều 18, 19 quy định chi tiết về nguyên tắc và thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và dự án không thuộc diện phải thực hiện thủ tục này cũng như thời điểm áp dụng ưu đãi đầu tư và thủ tục điều chỉnh ưu đãi đầu tư.

*3.2. Về hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao*

Các Điều 20, 21 cụ thể hóa quy định về hình thức, phương thức hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Những nội dung này được thiết kế trên cơ sở kế thừa, cập nhật quy định hiện hành của Luật Đầu tư công và Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

**4. Chương IV. Thực hiện dự án đầu tư**

Chương này có 06 Mục, gồm những nội dung chủ yếu sau:

*4.1. Quy định chung về thực hiện dự án đầu tư (Mục 1)*

Mục này có 3 Điều quy định chi tiết việc thực hiện một số thủ tục trong quá trình triển khai dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư, bao gồm bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư và cơ chế xác định và giám định giá trị vốn đầu tư, cụ thể là:

- Điều 23 quy định về biện pháp bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở quy định về ký quỹ của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. Theo đó, nhà đầu tư phải ký quỹ trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư. Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án đầu tư quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư…; Điều 23 cập nhật và bổ sung quy định về các trường hợp không phải ký quỹ, thời điểm ký quỹ, tài khoản ký quỹ, các trường hợp hoãn nghĩa vụ ký quỹ, bảo lãnh ngân hàng, minh bạch quá trình hoàn trả tiền ký quỹ…

- Điều 24 quy định về thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 44 Luật Đầu tư trong đó bổ sung hướng dẫn về dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm được xem xét áp dụng thời hạn hoạt động dài hơn nhưng không quá 70 năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư là dự án sản xuất công nghiệp có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên và thời hạn thu hồi vốn đầu tư/khấu hao tài sản trên 10 năm; tiêu chí xác định án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được gia hạn hoạt động và hồ sơ, thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án.

- Điều 25 quy định cụ thể cơ chế xác định giá trị vốn đầu tư; giám định giá trị vốn đầu tư; giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ hoặc để xác định căn cứ tính thuế theo quy định tại Điều 45 Luật Đầu tư. Theo đó, việc giám định được thực hiện khi có căn cứ xác định nhà đầu tư kê khai thuế không trung thực, chính xác, đầy đủ về giá trị vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý thuế hoặc có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư hoặc thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

 Cơ quan quản lý thuế thực hiện giám định để xác định số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc thuê tổ chức giám định độc lập để giám định vốn đầu tư của dự án; cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ tham vấn Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ hoặc tổ chức, chuyên gia giám định độc lập về giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ được sử dụng trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

*4.2. Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư (Mục 2)*

- Điều 26 quy định chi tiết nguyên tắc áp dụng và quan hệ giữa các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư theo một trong các thủ tục (i) chấp thuận chủ trương đầu tư và giao cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, (ii) chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

Sau khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, cơ quan được giao tổ chức đấu giá, đấu thầu quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai, đấu thầu trong các trường hợp (i) nhà đầu tư được lựa chọn theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu, (ii) đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký hoặc đấu giá không thành theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đồng thời là Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Các Điều 27, 28 và 29 quy định chi tiết về hồ sơ, nội dung thẩm định, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

*4.3. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mục 3)*

Các Điều 31, 32 cập nhật quy định hiện hành về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo các trường hợp sau:

- Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Luật Đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư gửi văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư (trong thời hạn 05 ngày làm việc).

- Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan đăng ký đầu tư để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày làm việc.

- Đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký đầu tư gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày làm việc.

Ngoài ra, các Điều 33, 34, 35, 36 quy định về mã số dự án đầu tư; thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; và đăng ký nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

*4.4. Về thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư (Mục 4):*

- Điều 37 quy định chung về nội dung, yêu cầu và nguyên tắc điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tại Điều 41 Luật Đầu tư.

- Các Điều 38, 39, 40 và 41 quy định chi tiết về thủ tục điều chỉnh dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

 - Điều 42 quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ và trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư. Điểm mới của Nghị định là quy định hướng dẫn về trường hợp chuyển nhượng một phần dự án đầu tư. Theo đó, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đối với phần dự án chuyển nhượng, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với phần dự án nhận chuyển nhượng trong trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

 - Điều 43 quy định cụ thể điều kiện, trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án trong các trường hợp tách, sáp nhập dự án đầu tư được quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Đầu tư. Theo đó, trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nhiều doanh nghiệp có nhu cầu tách, sáp nhập dự án để cơ cấu lại hoạt động quản lý, nâng cao hiệu quả thực hiện, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh. Do vậy, việc bổ sung quy định này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp có nhu cầu tách, sáp nhập dự án đầu tư.

- Các Điều 44, 45, 46 hướng dẫn thủ tục thực hiện quy định mới tại khoản 1 Điều 41 của Luật Đầu tư về việc điều chỉnh dự án trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp; hợp tác kinh doanh và nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng

 - Các Điều 47, 48 quy định về điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế; điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.

 - Các Điều 49, 50 và 51 bổ sung thủ tục về điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư; chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư và chuyển mục đích sử dụng đất của dự án thực hiện theo trình tự chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

*4.5. Thủ tục ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (Mục 5)*

Mục này có 6 Điều quy định chi tiết việc thực hiện một số thủ tục ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, gồm:

- Điều 52 (đây là quy định mới so với Nghị định số 118/2015/NĐ-CP) quy định về điều kiện và thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp tự quyết định ngừng hoạt động của dự án đầu tư, nhà đầu tư gửi thông báo cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày quyết định. Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan;

b) Trường hợp ngừng hoạt động của dự án đầu tư theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư, Cơ quan đăng ký đầu tư căn cứ ý kiến của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư và thông báo cho các cơ quan liên quan và nhà đầu tư.

 - Các Điều 53, 54, 55, 56, 57 quy định điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thanh lý dự án đầu tư; chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp Cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư; chấm dứt hiệu lực của văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư trên cơ sở kế thừa và cập nhật các quy định hiện hành của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; bổ sung quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trên cơ sở giao dịch dân sự giả tạo theo quy định của pháp luật về dân sự và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài, chấm dứt một phần hoạt động của án đầu tư.

 *4.6. Hoạt động đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế (Mục 6)*

 Mục này kế thừa các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế và thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

**5. Chương V. Thành lập tổ chức kinh tế và thực hiện hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài**

Chương này có 04 Điều quy định chi tiết về thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài; thực hiện dự án đầu tư và hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài và thủ tục thành lập, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo của nhà đầu tư nước ngoài.

*5.1 Về việc thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài*

Điều 60 quy định về thủ tục thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp có dự án đầu tư mới và trường hợp nhận chuyển nhượng dự án đầu tư. Theo đó, trường hợp có dự án đầu tư mới, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án và thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Trường hợp nhận chuyển nhượng dự án đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trong trường hợp dự án đó không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trong trường hợp dự án đó đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) và thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

*5.2. Về việc thực hiện dự án đầu tư và hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*

Điều 61 kế thừa và cập nhật quy định hiện hành về thực hiện dự án và hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP, gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập là nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.

- Trong trường hợp có dự án đầu tư mới ngoài dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm các tổ chức thuộc một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư) phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp nêu trên chỉ phải thực hiện thủ tục thông báo cho Cơ quan đăng ký đầu tư về việc thực hiện dự án đầu tư mới gồm những nội dung: tên dự án đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, ưu đãi đầu tư (nếu có). Việc thực hiện dự án đầu tư mới không nhất thiết phải thành lập tổ chức kinh tế khác.

- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc thực hiện dự án đầu tư mới dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục điều chỉnh hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới trước khi thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được quyền điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh mà không nhất thiết phải có dự án đầu tư. Việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

*5.3. Về thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài:*

Luật đầu tư đã quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục góp vốn, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định về vấn đề này, Điều 62 Dự thảo Nghị định cụ thể hóa một số nội dung sau:

- Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức kinh tế không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thành viên, cổ đông tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, trừ các trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

- Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư đã thực hiện trước thời điểm nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.

*5.4. Về thủ tục thành lập, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo của nhà đầu tư nước ngoài*

- Điều 63 bổ sung quy định về việc tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo hoặc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào các doanh nghiệp này. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài chỉ phải thực hiện thủ tục như quy định đối với nhà đầu tư trong nước mà không phải thực hiện thủ tục tương ứng quy định tại các Điều 22, 26 Luật Đầu tư nếu doanh nghiệp đó đáp ứng một trong các điều kiện nhất định.

Điều kiện để được áp dụng thủ tục nêu trên là:

a) Nhà đầu tư nước ngoài có tài sản góp vốn, hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao, có hợp đồng thuê quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc được công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; chương trình máy tính đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

b) Nhà đầu tư nước ngoài có tài sản góp vốn, hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao, có hợp đồng thuê quyền sử dụng giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận;

c) Nhà đầu tư nước ngoài có tài sản góp vốn, có hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao, có hợp đồng thuê quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ; hoặc

d) Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia**.**

- Khi thành lập công ty nhằm mục đích quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam hoặc góp vốn vào quỹ này, nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục theo quy định tương ứng của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mà không phải thực hiện thủ tục quy định tại Điều 22 và Điều 26 Luật Đầu tư.

**6. Chương VI. Quản lý nhà nước về đầu tư**

Chương VI có 03 Mục hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý nhà nước phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành các biện pháp triển khai thi hành luật, gồm những nội dung sau:

*5.1. Về nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mục 1)*

Các Điều 64, 65, 66 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh trong quản lý hoạt động đầu tư.Những nội dung này được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tương ứng của Nghị định 118/2015/NĐ-CP, [nhưng đã được cập nhật, hoàn thiện để phù hợp với quy định mới của Luật đầu tư, đặc biệt là những thay đổi trong các quy định về thủ tục đầu tư và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh.]

*5.2. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư (Mục 2)*

Các Điều từ 67 đến 77 bổ sung quy định về cơ quan xúc tiến đầu tư, nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư, phương thức xúc tiến đầu tư, chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, xúc tiến đầu tư trong hoạt động đối ngoại cấp cao nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan xúc tiến đầu tư, điều phối hoạt động xúc tiến đầu tư, phối hợp giữa xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại, du lịch, ngoại giao kinh tế; kinh phí cho hoạt động xúc tiến đầu tư và hoạt động xúc tiến đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước. Các nội dung này được xây dựng trên cơ sở [Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư](https://dautunuocngoai.gov.vn/TinBai/1078/Quyet-dinh-so-03-2014-QD-TTg-ngay-14-01-2014-cua-Thu-tuong-Chinh-phu-ve-viec-ban-hanh-Quy-che-Quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-hoat-dong-xuc-tien-dau-tu).

*5.3. Về chế độ báo cáo hoạt động đầu tư và vận hành hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (Mục 3)*

Các Điều 78, 80, 81 quy định về nội dung, thời hạn báo cáo, cơ chế quản lý và vận hành hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư trên cơ sở kế thừa quy định của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

**7. Chương 7 Điều khoản thi hành**

*7.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh*

Điều 82 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến đầu tư kinh doanh, cụ thể là:

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước để bổ sung quy định về việc Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước không quá 1,5 lần so với thời gian áp dụng miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tại điểm d khoản 3 Điều 19 Nghị định này đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư; và giảm tiền thuê đất không quá 1,5 lần so với mức giảm tiền thuê đất nêu trên.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn để áp dụng trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, điều chỉnh dự án sân gôn thực hiện theo các quy định tương ứng tại Nghị định này và Nghị định số 52/2020/NĐ-CP.

- Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư để bảo đảm đồng bộ và phù hợp với quy định về lựa chọn nhà đầu tư tại Điều 29 Luật Đầu tư. Theo đó, Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu, Cơ quan đăng ký đầu tư trình Ủy ban nhân cấp tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

*7.2. Về hồ sơ dự án đã nộp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành*

- Điều 84 quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính đối với hồ sơ hợp lệ đã nộp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành. Theo đó, kể từ ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành, dự án đầu tư đã nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 nay thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư mà chưa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định thì cơ quan đăng ký đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 nay thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư mà đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 thì tại văn bản thẩm định quyết định chủ trương đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

Đối với dự án đầu tư đã nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định của pháp luật về nhà ở, đô thi và xây dựng trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành thực hiện theo nguyên tắc dự án chưa được quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về nhà ở, đô thị và xây dựng thì phải thực hiện theo thủ tục của Luật Đầu tư…

*7.3 Về việc thực hiện dự án đầu tư thực hiện trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành*

Các Điều 85, 86, 87, 88, 89 và 92 quy định các quyền, nghĩa vụ và nguyên tắc thực hiện các hoạt động đầu tư đối với dự án được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực theo nguyên tắc bảo đảm quyền lựa chọn của nhà đầu tư trong việc áp dụng pháp luật đối với hoạt động đầu tư được thực hiện trước thời điểm nêu trên tương tự quy định hiện hành của Nghị định 118/201/NĐ-CP, có cập nhật quy định về điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (Điều 88), bổ sung quy định về thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) tại Điều 89; bổ sung quy định về chấm dứt hoạt động, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) tại Điều 92.

Để có căn cứ thực hiện dự án theo quy định nêu trên, Điều 85 bổ sung hướng dẫn về Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư là văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quyết định chủ trương đầu tư hoặc cho phép, chấp thuận đầu tư dự án, trong đó quy định các nội dung về nhà đầu tư, mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, nhà ở, đô thị, doanh nghiệp, đấu thầu có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản, quyết định này.

*7.4. Về việc chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam hoặc Bên Việt Nam*

- Điều 90 sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành đối với dự án có nội dung chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam hoặc Bên Việt Nam. Theo đó, không xem xét việc bỏ điều kiện chuyển giao không bồi hoàn đối với các dự án có cam kết chuyển giao không bồi hoàn. Việc điều chỉnh nội dung chuyển giao không bồi hoàn liên quan đến chuyển nhượng phần vốn góp của bên Việt Nam là doanh nghiệp Nhà nước, gia hạn thời hạn hoạt động do bên Việt Nam được bàn giao đất chậm để góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Trường hợp Bên Việt Nam là doanh nghiệp Nhà nước chuyển nhượng vốn góp thì việc xác định giá trị phần vốn góp khi chuyển nhượng phải tổ chức đấu giá công khai để xác định mức giá cao nhất và sử dụng mức giá này đề nghị Bên nước ngoài mua phần vốn của Bên Việt Nam theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Điều 91 bổ sung quy định về xử lý tài sản chuyển giao khi dự án có nội dung chuyển giao không bồi hoàn hết thời hạn hoạt động.

**IV. GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại công văn số /BTP-PLDSKT ngày / /2020, Bộ Kế hoach và Đầu tư xin tiếp thu, giải trình như sau:

**1. Những nội dung đã tiếp thu và hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:**

**2. Những nội dung giải trình:**

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (*để báo cáo*);- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Lãnh đạo Bộ;- Các đơn vị thuộc Bộ: (*danh sách kèm theo*)- Lưu VT, PC. |  **BỘ TRƯỞNG** **Nguyễn Chí Dũng** |